TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 69/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26/9/2022.
V/v: Ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Mạnh H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Xuân Tỵ và bà Phạm Thị Tư.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Văn Dự là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022, về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số nhà 454/16 T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

2. *Bị đơn*: Ông **Trần Mạnh H,** sinh năm 1970

Địa chỉ: Số nhà 294 T, phường L, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2022, các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà và ông Trần Mạnh H kết hôn với nhau vào ngày 10/01/1994, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện đúng pháp luật. Quá trình sống chung cho đến nay, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ năm 2019 cho đến vợ chồng sống ly thân, mỗi người ở một nơi, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Mạnh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, có họ và tên là Trần Anh Quốc D, sinh ngày 08/10/1994 và Trần Châu Kiều T, sinh ngày 12/10/2007. Khi ly hôn

nguyện vọng của bà được nuôi cháu T cho đến tuổi thành niên, bà có nghề nghiệp kinh doanh đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Đối với cháu Trần Anh Quốc D đã thành niên không thuộc trường hợp cấp dưỡng nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau: Thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Viện kiểm sát không kiến nghị gì.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về … án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về ly hôn đối với bị đơn ông Trần Mạnh H. Về con chung: Có 02 con chung là Trần Anh Quốc D, sinh ngày 08/10/1994 và Trần Châu Kiều T, sinh ngày 12/10/2007, nguyện vọng của cháu T yêu cầu được ở với bà T, nguyện vọng của bà T yêu cầu được nuôi cháu T. Vì vậy, giao cháu T cho bà T nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên là phù hợp. Bà T có nghề nghiệp kinh doanh đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nên không đề cập. Đối với cháu D đã thành niên không thuộc trường hợp cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

1.1. Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Mạnh H kết hôn với nhau vào ngày 10/01/1994, có đăng ký tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 342, quyển số 03. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn đối với ông Trần Mạnh H. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp về: "Ly hôn".

1.2. Bị đơn ông Trần Mạnh H, ở địa chỉ: Số nhà 294 T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

1.3. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Mạnh H có hành vi chống đối, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở

ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Mạnh H xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung theo bà Nguyễn Thị T xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ năm 2019 cho đến vợ chồng sống ly thân, mỗi người ở một nơi, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến nhau nữa, tình cảm của bà T đối với ông H không còn.

Tại văn bản xác minh ghi ngày 11/5/2022 đối với ông Nguyễn Văn Đ là Phó Tổ trưởng tổ dân phố 21, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có nội dung: Về tình trạng hôn nhân của bà T và ông H thì địa phương không nắm bắt được. Hiện tại ông Trần Mạnh H đăng ký thường trú và cư trú tại Tổ dân phố 21, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại văn bản ngày 15/8/2022 đối với cháu Trần Anh Quốc D, sinh năm 1994 là con chung của bà T và ông H, có nội dung: Mẹ T và bố H phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, bố mẹ đã sống ly thân. Cháu D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Mạnh H lâm vào trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng bà T và ông H đã sống ly thân nhiều năm và cả hai không có giải pháp hàn gắn đoàn tụ gia đình. Vì vậy, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Mạnh H.

2.2. Về con: Vợ chồng bà T, ông H có 02 con chung, có họ và tên là Trần Anh Quốc D, sinh ngày 08/10/1994 và Trần Châu Kiều T, sinh ngày 12/10/2007. Tham khảo ý kiến của cháu T có nguyện vọng được sống chung với bà T; nguyện vọng của bà T yêu cầu được nuôi cháu T. Vì vậy, giao cháu T cho bà T nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên là phù hợp. Bà T có nghề nghiệp kinh doanh đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nên ghi nhận,

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: bà T trình bày không có nên không xem xét.

[3] Từ những phân tích, căn cứ pháp luật nêu trên, kết luận: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về "Ly hôn" đối với bị đơn ông Trần Mạnh H.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội qui định về …án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về "Ly hôn" đối với bị đơn ông Trần Mạnh H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Mạnh H.

3. Về con chung: Giao 01 con chung có họ và tên là Trần Châu Kiều T, sinh ngày 12/10/2007 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên. Bà Nguyễn Thị T đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu ông Trần Mạnh H cấp dưỡng.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và khi có lý do chính đáng thì mức cấp dưỡng có thể thay đổi sẽ được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004923 ngày 25/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
+ Các đương sự;
+ VKSND Tp. B;
+ TAND tỉnh Lâm Đồng;
+ Chi cục T.H.A.DS. Tp. B;
+ UBND phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng;
+ Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Đức Công